

# Bản tin chứng khoán

## Trong số này

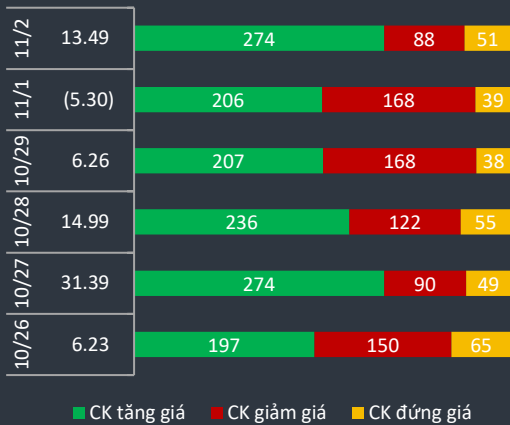
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

### Độ rộng thị trường



### Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

HDC	24.47	□
PLX	23.14	□
KBC	22.57	□
DGC	22.07	□
HDB	20.31	□
HSG	17.96	□
DPM	(47.29)	□
VRE	(51.37)	□
PC1	(64.40)	□
HPG	(68.62)	□
SAB	(78.50)	□
SSI	(91.36)	□
VHM	(142.60)	□
TCM	(614.17)	□

Thị trường có sự tăng tốc ngày từ đầu phiên hôm nay nhờ vào động lực của nhóm ngành bất động sản và xây dựng. Trong khi dòng tiền có phần chững lại ở các dòng ngân hàng và các blue chip thì các nhóm cổ phiếu mid cap và penny vận động tốt hơn hẳn. Cổ phiếu xây dựng tăng tốc rất mạnh ở cả ba sàn trong đó nhiều mã ở sàn Upcom và HNX tăng trần hơn 10% như: CDO, SDD, L18, S99, HOM. Cổ phiếu xây dựng sàn HOSE có EVG, TCD, BCE, LCG, DPG, VCG, FCN, HVH đều có mức tăng trên trên 5%.

Nhóm bất động sản cũng nổi sóng ở hàng loạt cổ phiếu như DIG, IJC, NLG, SCR, LDG, VPH, DXG ... Cổ phiếu BĐS Khu công nghiệp cũng hầu như tăng điểm hôm nay trong đó nhiều cổ phiếu tăng trần như D2D, GVR. KBC, PHR, CCI đều vượt 5%.

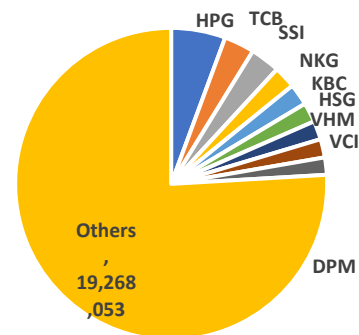
Nhóm cổ phiếu ngân hàng cũng có 19/27 mã xanh nhưng chỉ trong khoảng 1%. Nhóm bank nhỏ tăng tốt hơn ở EIB tăng trần, PGB tăng 3.8%, VIB 2.3%. OCB xanh nhẹ trên tham chiếu một chút và đóng cửa ngay 27. Thanh khoản chung của OCB trên 4 triệu và nhóm cổ phiếu ngân hàng cũng đạt mức khá nhờ những phiên gần đây có khá nhiều nhóm tự doanh các công ty chứng khoán gom vào cổ phiếu ngân hàng. Nhóm ngành này hiện còn đang tích lũy và còn cách vùng đỉnh trung bình 15% - 20% nhưng có thể xem vùng giá hiện tại là đáy ngắn hạn của nhiều cổ phiếu ngân hàng vì vậy việc đảo chiều chỉ là vấn đề thời gian.

Cổ phiếu chứng khoán cũng nằm trong nhóm ngành tăng tốt nhất hôm nay. Việc thanh khoản thị trường tăng mạnh thường kéo theo nhóm chứng khoán vì vậy dòng tiền chảy vào nhóm chứng khoán khá mạnh đặc biệt ở nhóm cổ phiếu nóng như APS, BVS, VIX, MBS. Nhóm chứng khoán đứng đầu VCI, HCM, VND xanh nhẹ hơn khoảng 2%.

Khối ngoại trong ngày tăng cường bán ròng gần 1200 tỷ đồng trong đó riêng TCM bán ròng hơn 614 tỷ. Một số blue chip bán ròng mạnh như VHM -142 tỷ, VHM -91.3 tỷ, SAB 78.5 tỷ. Một số cổ phiếu mua ròng nhẹ trong ngày như HDC 24.4 tỷ, PLX 23.1 tỷ, KBC 22.5 tỷ.

# Vnindex 1,452.46

▲ +13.49(+0.94%)



## Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
GVR	42.1	2,750	6.99
PNJ	105.0	3,900	3.86
BCM	53.7	1,600	3.07
PDR	95.3	2,200	2.36
VIB	37.5	850	2.32
SSI	42.4	950	2.29
SAB	165.2	3,200	1.98
VJC	132.0	2,000	1.54
ACB	33.2	450	1.38
HDB	25.6	300	1.19
BVH	64.8	700	1.09
VCB	97.9	900	0.93
TPB	43.8	400	0.92
DHG	103.2	900	0.88
VHM	85.0	700	0.83
PLX	54.3	400	0.74
CTG	32.4	200	0.62
REE	72.3	300	0.42
BID	42.0	150	0.36
FPT	96.1	300	0.31
GAS	121.6	300	0.25
STB	26.7	50	0.19
VIC	95.8	-	-
MBB	28.4	-	-
TCB	51.6	-	-
MSN	145.5	-	-
VPB	37.6	-	-
HPG	55.5	(200)	(0.36)
HVN	24.6	(100)	(0.40)
MWG	128.9	(1,100)	(0.85)
VNM	89.2	(800)	(0.89)
VRE	30.9	(300)	(0.96)
NVL	108.1	(1,500)	(1.37)
POW	12.9	(250)	(1.91)

Chỉ số Vnindex đã lập đỉnh mới 1452 trong ngày với mức tăng hơn 13 điểm. Thị trường có phần giằng co đầu phiên và áp lực chốt lời nhưng sau đó vẫn tăng tốt và xoay chiều nhiều mã cổ phiếu. Nếu như đầu phiên số mã giảm nhiều hơn hẳn mã xanh thì cuối phiên số mã tăng đã gấp đôi. Thị trường vẫn còn khá nóng sau khi thông tin Bộ Kế hoạch và Đầu tư vừa trình Chính phủ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế sau dịch bệnh Covid-19 với quy mô khoảng 800.000 tỷ đồng và có thể là động lực kéo thị trường tăng trưởng thêm vài phiên tới. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, ưu tiên nhóm CP tăng trưởng như **OCB, STK, DIG, VCI, GVR, LCG, DPM, NKG, FRT, DPR ...**

**Thếp:** NKG, HPG, HSG

**Phân đạm:** DPM, DCM

**Ngân hàng:** OCB, TPB, MBB

**Các ngành khác:** GVR, FPT, SZC, VCI, VND, DPR, BVH, ABI,

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCM	77.8	3.7	60	85	Mua quanh 75, nắm giữ	10/6/2021	21.6%
PET	31.5	6.1	25	35	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	12.5%
LCG	19.3	9.7	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	37.9%
DPR	82.5	12.2	57	95	Mua vào quanh 80, nắm giữ	9/21/2021	23.1%
IDC	78.5	19.8	45	85	Nắm giữ	9/21/2021	57.0%
REE	72.3	(3.9)	50	80	Nắm giữ	7/12/2021	41.8%
GVR	42.1	6.7	28	47	Nắm giữ, mục tiêu 47	7/12/2021	43.2%
HCM	40.3	9.2	44	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 48-50	7/12/2021	18.5%
VCI	69.5	13.4	47	80	Nắm giữ, Mua thêm quanh 65	7/12/2021	41.8%
SSI	42.4	9.1	45	60	Nắm giữ	7/12/2021	28.5%
MBB	28.4	1.6	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 32	7/12/2021	-2.1%
OCB	27.0	0.4	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	17.4%
HPG	55.5	(1.4)	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 50	7/12/2021	23.3%
DGW	112.2	(0.1)	120	170	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	124.4%

# HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

## Top tăng giá HOSE

EVG	6.93
SAM	6.94
D2D	6.94
BSI	6.94
BMC	6.95
IDI	6.96
SJS	6.98
DXV	6.98
IJC	6.99
DIG	6.99
KMR	7.00
NBB	7.02

## Top tăng giá HNX

SD9	9.94
APS	9.95
S99	9.96
L14	9.96
SVN	10.00
L18	10.00
V21	10.00
PDB	10.00
SIC	10.00
HGM	10.00
VE9	13.79
KHB	14.29
DID	14.63

**HBC** - CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình – Quý 3/2021 ghi nhận doanh thu đạt hơn 2.092 tỷ đồng, giảm 20% so với cùng kỳ năm ngoái. Do Công ty không còn ghi nhận khoản lợi nhuận khác đột biến nên lãi sau thuế quý III của Hòa Bình giảm mạnh hơn 90% so với cùng kỳ chỉ còn 14 tỷ đồng.

Lũy kế 9 tháng năm 2021, HBC ghi nhận doanh thu thuần đạt 7.536 tỷ đồng, giảm nhẹ so với 9 tháng năm 2020; tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế đạt gần 81 tỷ đồng, tăng 23%.

**VSN** - CTCP Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản - Quý 3, doanh thu thuần của Vissan giảm 16% xuống còn gần 1.059 tỷ đồng. Sau khi trừ chi phí Công ty lãi sau thuế 43,2 tỷ đồng, tăng 21% so với quý III/2020.

Lũy kế 9 tháng năm 2021, doanh thu thuần của Công ty giảm 14% xuống 3.381,3 tỷ đồng kéo theo lãi sau thuế giảm 3% xuống 119,8 tỷ đồng. So với mục tiêu lãi sau thuế đạt 180 tỷ đồng trong năm nay, Công ty đã hoàn thành được 83% mục tiêu lợi nhuận năm.

**TV2** - CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Trong quý 3, doanh thu thuần của TV2 đạt 1.612,7 tỷ đồng, tăng 55% so với cùng kỳ năm ngoái. Sau khi trừ chi phí, TV2 ghi nhận lợi nhuận sau thuế 101,3 tỷ đồng, tăng 98%.

Lũy kế 9 tháng năm 2021, Tư vấn Xây dựng Điện 2 ghi nhận doanh thu thuần đạt 3.319 tỷ đồng, tăng 60% so với cùng kỳ và lãi sau thuế 201,3 tỷ đồng, tăng 38%.

**KDH** - CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền - Trong quý III/2021, KDH ghi nhận doanh thu đạt 1.199,26 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 316,68 tỷ đồng, lần lượt giảm 31,7% và 12,5% so với cùng kỳ.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, KDH ghi nhận doanh thu đạt 3.147,74 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 789,88 tỷ đồng, lần lượt giảm 2,9% và tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước.

**APH** - CTCP Tập đoàn An Phát Holdings – Đã thông qua việc mua cổ phần phát hành thêm của CTCP Sản xuất PBTA An Phát. Theo đó, APH dự kiến mua 3 triệu cổ phần của PBTA An Phát, qua đó, nâng sở hữu lên 12 triệu cổ phần, tỷ lệ 92,31%.

**TLH** - CTCP Tập đoàn Thép Tiến Lên - Thông báo, đã bán xong 1,46 triệu cổ phiếu quỹ từ ngày 13/10 đến 27/10 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh, với giá bán bình quân 23.190 đồng/cổ phiếu.

**ANV** - CTCP Nam Việt - Ngày 25/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 26/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 24/12/2021.

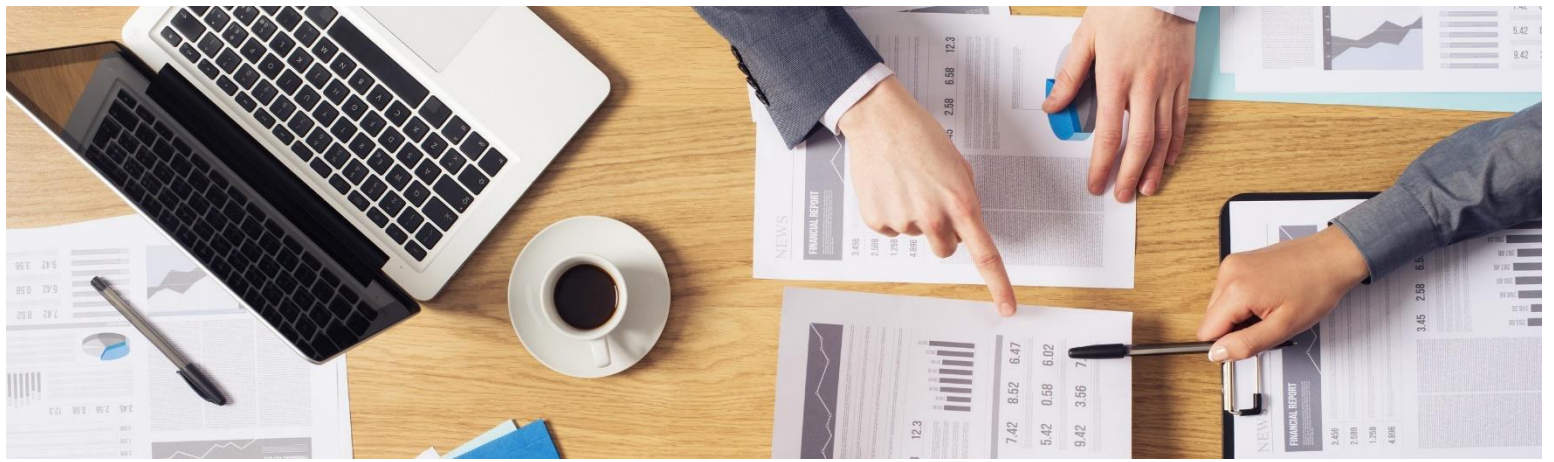
## Tổng hợp kết quả kinh doanh quý 3.2021 – theo ngành

Ngành	Số DN	DT 9T.2020	DT 9T.2021	%	LN 9T.2020	LN 9T.2021	%
Ngân hàng	21	112,490.86	149,343.23	32.8%	44,466.23	68,071.05	53.1%
Bất động sản	38	68,850.93	82,164.56	19.3%	20,252.47	31,856.79	57.3%
Dịch vụ tài chính	36	16,730.06	31,510.78	88.3%	4,030.75	11,639.24	188.8%
Dầu khí	14	147,271.60	182,354.88	23.8%	2,035.83	11,402.50	460.1%
Thực phẩm và đồ uống	53	144,683.25	157,923.78	9.2%	10,231.98	11,391.20	11.3%
Sản xuất và KD Thép	19	89,748.80	132,075.60	47.2%	1,392.84	8,151.06	485.2%
Bất động sản KCN	16	19,675.85	28,306.66	43.9%	3,938.19	5,619.45	42.7%
Điện	39	41,134.70	38,023.14	-7.6%	3,217.71	4,324.90	34.4%
Vận tải - Logistics	50	30,876.01	34,684.47	12.3%	1,882.08	3,242.51	72.3%
Công nghệ Thông tin	15	26,466.00	30,593.96	15.6%	2,711.53	3,176.29	17.1%
Vật liệu xây dựng	29	27,440.57	28,788.17	4.9%	2,858.37	3,059.42	7.0%
Bảo hiểm	11	19,284.84	20,560.85	6.6%	2,050.99	2,635.03	28.5%
Phân bón	12	25,912.03	34,814.50	34.4%	64.84	2,489.74	3739.6%
Xây dựng	72	51,113.22	63,029.53	23.3%	1,850.48	2,327.85	25.8%
Y tế	30	23,716.80	23,650.84	-0.3%	1,917.51	2,019.03	5.3%
Hóa chất	17	17,815.02	21,437.69	20.3%	1,267.07	1,958.07	54.5%
Nước	43	13,897.53	14,087.83	1.4%	1,708.20	1,857.51	8.7%
Hàng cá nhân & Gia dụng	21	25,657.88	26,268.25	2.4%	1,628.90	1,621.09	-0.5%
Dệt May	16	28,336.68	30,345.00	7.1%	660.39	1,340.38	103.0%
Thủy sản	15	17,196.70	20,949.98	21.8%	1,132.92	1,233.58	8.9%
Khoáng sản	24	31,696.80	31,812.43	0.4%	559.53	1,210.21	116.3%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	51	28,870.76	30,166.85	4.5%	1,260.06	1,177.61	-6.5%
Tài nguyên Cơ bản	15	13,471.52	17,213.70	27.8%	715.18	1,048.51	46.6%
Bán lẻ	17	34,010.79	35,877.86	5.5%	160.18	947.24	491.4%
Cao su	13	2,861.45	3,884.68	35.8%	314.82	730.75	132.1%
Truyền thông	22	3,241.94	3,112.12	-4.0%	323.46	444.45	37.4%
Ô tô và phụ tùng	8	24,968.42	22,905.14	-8.3%	385.29	359.97	-6.6%
Bao bì	14	7,548.79	9,107.58	20.6%	380.94	229.32	-39.8%
Xây dựng và Vật liệu	47	9,850.67	9,847.33	0.0%	217.36	209.80	-3.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	5,102.99	5,239.13	2.7%	48.41	83.41	72.3%
Viễn thông	2	2,977.53	1,206.67	-59.5%	38.26	18.13	-52.6%
Du lịch và Giải trí	24	7,357.59	5,574.02	-24.2%	(326.73)	(218.63)	
<b>Tổng Cộng</b>	<b>809</b>	<b>1,120,258.56</b>	<b>1,326,861.21</b>	<b>18.4%</b>	<b>113,376.02</b>	<b>185,657.48</b>	<b>63.8%</b>



## Top doanh nghiệp lợi nhuận cao nhất 9 tháng đầu năm

Mã CK	Sàn CK	DT 9T.2020	DT 9T.2021	% tăng trưởng Doanh thu	LN 9T.2020	LN 9T.2021	% tăng trưởng Lợi Nhuận	EPS	BV
TCB	HOSE	13,295.5	19,454	46.3%	8,371.8	13,445.5	60.6%	4,965	25,174
CTG	HOSE	25,294.6	31,393	24.1%	8,322.8	11,171.5	34.2%	4,193	19,893
MBB	HOSE	14,483.9	19,030	31.4%	6,332.0	9,171.0	44.8%	3,738	15,575
ACB	HOSE	10,166.4	14,150	39.2%	5,133.3	7,174.3	39.8%	4,191	15,723
GAS	HOSE	48,625.3	58,815	21.0%	6,129.5	6,709.1	9.5%	4,384	26,225
HDB	HOSE	8,685.5	10,138	16.7%	3,190.5	4,546.3	42.5%	3,592	14,692
BSR	UPCOM	40,824.7	66,588	63.1%	(4,063.4)	4,020.6		1,707	11,307
TPB	HOSE	5,200.3	7,136	37.2%	2,419.5	3,515.0	45.3%	4,569	21,131
HSG	HOSE	19,188.8	32,929	71.6%	701.3	3,372.4	380.9%	8,234	20,152
FPT	HOSE	21,163.7	24,953	17.9%	2,554.7	3,031.0	18.6%	4,876	22,393
OCB	HOSE	3,390.9	4,155	22.5%	2,008.6	3,004.8	49.6%	3,945	14,910
LPB	HOSE	4,716.7	6,313	33.8%	1,395.4	2,228.5	59.7%	2,497	13,424
SSB	HOSE	2,085.1	3,849	84.6%	887.4	2,015.0	127.1%	2,000	11,944
SSI	HOSE	3,192.1	4,920	54.1%	876.5	1,659.6	89.3%	3,236	13,472
DPM	HOSE	5,831.8	7,700	32.0%	589.7	1,473.0	149.8%	4,029	23,180
VND	HOSE	1,377.6	3,839	178.6%	441.2	1,453.5	229.4%	6,932	19,665
ABB	UPCOM	1,699.8	2,197	29.3%	753.0	1,279.2	69.9%	2,879	17,476
PDR	HOSE	2,497.7	2,391	-4.3%	718.1	1,111.2	54.7%	3,710	15,945
DGC	HOSE	4,652.5	6,094	31.0%	670.3	1,084.0	61.7%	8,386	29,968
VCI	HOSE	1,065.7	2,574	141.6%	419.1	1,031.4	146.1%	6,539	19,032
HCM	HOSE	1,399.6	3,338	138.5%	517.7	923.4	78.4%	3,477	16,797
DNH	UPCOM	1,269.0	1,651	30.1%	506.6	869.7	71.7%	2,441	14,220
SMC	HOSE	11,257.4	15,163	34.7%	152.7	828.3	442.6%	16,162	39,676
SHS	HNX	1,121.2	1,753	56.3%	405.7	827.2	103.9%	5,673	19,758
DCM	HOSE	5,294.9	6,048	14.2%	459.6	819.1	78.2%	1,930	12,588
PVI	HNX	3,528.2	3,712	5.2%	594.7	775.1	30.3%	4,348	32,572
DBC	HOSE	7,154.5	7,752	8.4%	1,136.9	717.9	-36.9%	9,105	41,706
FTS	HOSE	218.8	1,024	368.2%	69.7	671.9	863.7%	5,659	19,032
KLB	UPCOM	790.8	1,518	91.9%	115.6	664.4	474.9%	2,110	14,297
VHC	HOSE	5,093.5	6,361	24.9%	551.6	646.6	17.2%	4,398	31,487
DHG	HOSE	2,543.8	2,910	14.4%	529.0	606.7	14.7%	6,253	27,708
DTK	HNX	9,431.1	9,273	-1.7%	410.4	597.5	45.6%	1,035	10,988
PNJ	HOSE	11,668.1	12,514	7.3%	642.0	575.7	-10.3%	4,426	24,451
VIX	HOSE	492.4	1,256	155.1%	195.7	574.2	193.4%	5,535	18,191
KBC	HOSE	929.6	3,077	231.0%	30.0	571.7	1802.9%	1,579	32,454
VGT	UPCOM	10,335.4	11,112	7.5%	202.3	568.8	181.2%	1,116	17,761
BAB	HNX	1,430.1	1,563	9.3%	418.2	561.6	34.3%	1,041	12,543
IJC	HOSE	1,839.5	2,339	27.2%	224.0	554.0	147.3%	3,571	15,103

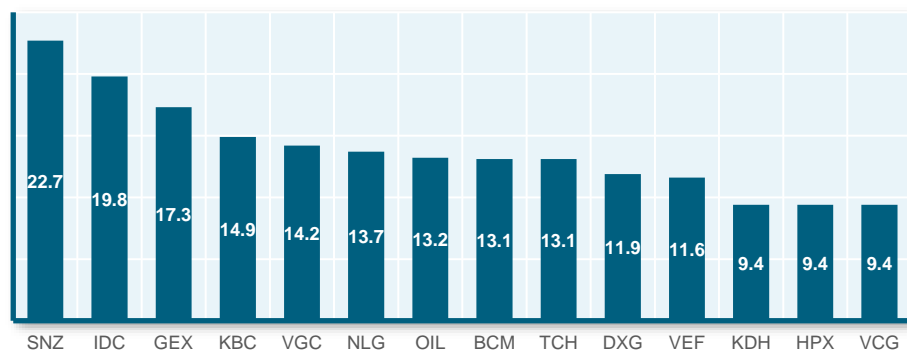


## Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
BID	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	48,524
	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	
MBB	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234

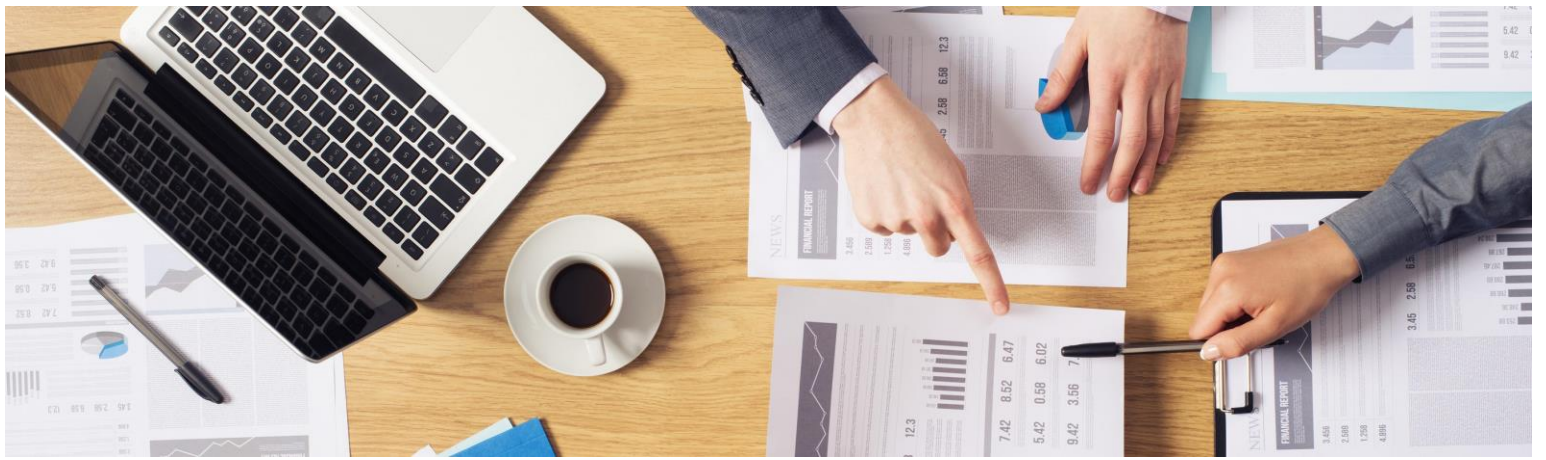


## Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



## Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	37.6	5,691,000	7.4	1.5	-	-	166,928	18.92	5,056	24,447
VIB	HOSE	37.5	1,442,400	6.7	2.8	23,500	139,400	58,165	20.48	5,638	13,552
VCB	UPCOM	97.9	808,300	17.7	3.5	371,300	163,700	363,099	23.50	5,532	28,293
VBB	HNX	16.8	35,380	20.2	1.5	-	-	8,025	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	17.6	781,259	14.7	1.3	-	-	7,831	-	1,196	13,597
TPB	HOSE	43.8	4,763,800	9.6	2.3	-	1,500	51,319	30.00	4,565	18,925
TCB	HOSE	51.6	15,468,300	11.2	2.2	-	-	181,163	22.47	4,614	23,938
STB	UPCOM	26.7	9,856,900	13.9	1.6	221,600	127,600	50,241	16.31	1,922	16,846
SSB	HOSE	37.2	1,937,200	21.6	3.0	-	-	49,941	0.02	1,723	12,310
SHB	HOSE	28.6	18,381,700	13.1	2.0	1,500	95,700	55,085	3.71	2,183	14,014
SGB	HNX	17.9	139,335	-	1.5	-	-	5,513	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	24.7	754,571	33.4	1.8	100	-	7,410	15.00	739	13,529
OCB	HNX	27.0	4,239,200	7.1	1.5	400,800	374,100	36,918	21.90	3,799	17,827
NVB	HOSE	28.9	289,141	141.0	2.7	-	25,700	11,757	8.45	205	10,726
NAB	HOSE	20.7	325,041	6.1	1.3	-	-	9,448	0.01	3,367	16,324
MSB	HOSE	23.5	6,928,400	7.1	1.3	-	600	35,896	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.4	8,603,100	7.3	1.4	1,385,600	1,387,000	107,304	23.23	3,897	19,986
LPB	HOSE	21.4	10,662,300	8.3	1.5	34,200	7,200	25,757	3.94	2,591	14,466
KLB	HOSE	24.0	403,820	11.8	1.7	100	-	7,677	-	2,035	14,117
HDB	HOSE	25.6	4,944,500	6.6	1.5	952,900	2,378,700	51,001	17.52	3,854	17,399
EIB	HOSE	24.9	926,200	28.5	1.8	12,300	-	30,613	29.71	874	14,061
CTG	HOSE	32.4	11,821,700	7.4	1.3	598,200	88,500	155,706	24.54	4,394	25,028
BVB	HOSE	21.5	2,745,332	18.6	1.7	1,000	-	7,892	0.06	1,157	12,737
BID	HOSE	42.0	1,527,700	16.7	2.0	17,700	33,200	168,724	16.56	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.2	70,146	23.4	1.8	-	-	16,720	-	950	12,242
ACB	HOSE	33.2	7,009,200	7.2	2.2	-	-	89,570	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	22.0	5,279,714	7.9	1.3	-	-	12,569	30.00	2,801	16,671
			<b>125,835,639</b>	<b>18.25</b>	<b>1.85</b>	<b>4,020,800</b>	<b>4,822,900</b>	<b>1,772,273</b>		<b>2,766</b>	<b>16,602</b>



### Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	C36	UPCoM	16/11/2021	17/11/2021	25/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	IDC	HNX	9/11/2021	10/11/2021	25/11/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	TRC	HOSE	8/11/2021	9/11/2021	26/11/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	VSC	HOSE	8/11/2021	9/11/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
5	BHP	UPCoM	5/11/2021	8/11/2021	19/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	PC1	HOSE	4/11/2021	5/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
7	NTP	HNX	4/11/2021	5/11/2021	24/11/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	NBB	HOSE	2/11/2021	3/11/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 25:7	Thưởng cổ phiếu
9	BTD	UPCoM	1/11/2021	2/11/2021	10/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 4,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	MTV	UPCoM	1/11/2021	2/11/2021	25/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	DTP	UPCoM	29/10/2021	1/11/2021	15/11/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	FHS	UPCoM	29/10/2021	1/11/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 25:10	Thưởng cổ phiếu
13	PVB	HNX	29/10/2021	1/11/2021	10/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	LAI	UPCoM	29/10/2021	1/11/2021	15/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	TTT	HNX	29/10/2021	1/11/2021	17/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	ICN	UPCoM	28/10/2021	29/10/2021	18/11/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	BTT	HOSE	28/10/2021	29/10/2021	11/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	SHP	HOSE	28/10/2021	29/10/2021	29/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	KLB	UPCoM	28/10/2021	29/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:13	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
20	CMP	UPCoM	27/10/2021	28/10/2021	10/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 233 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	LLM	UPCoM	26/10/2021	27/10/2021	29/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	VAV	UPCoM	26/10/2021	27/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
23	LTG	UPCoM	26/10/2021	27/10/2021	23/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	BBS	HNX	26/10/2021	27/10/2021	12/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	DMC	HOSE	25/10/2021	26/10/2021	10/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	VPH	HOSE	25/10/2021	26/10/2021	3/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	C21	UPCoM	25/10/2021	26/10/2021	25/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	HNT	UPCoM	25/10/2021	26/10/2021	26/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 230 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt





## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh  
khanhnh@vise.com.vn

## Khuyến cáo

*Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.*

*Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.*

*Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.*

**VISecurities**  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931